

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	05 – 21
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.591.186.341.141	935.778.061.624
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	160.487.675.358	87.553.230.700
111	1. Tiền		160.487.675.358	87.553.230.700
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		264.999.177.113	248.694.644.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	127.340.024.887	89.456.546.159
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.781.855.463	7.867.430.562
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	130.938.891.033	152.432.262.371
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.061.594.270)	(1.061.594.270)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	1.064.805.514.070	581.173.439.031
141	1. Hàng tồn kho		1.070.257.925.652	585.260.850.613
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.452.411.582)	(4.087.411.582)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		100.893.974.600	18.356.747.071
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	14.675.613.429	4.452.360.229
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		85.702.578.901	13.755.867.897
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	515.782.270	148.518.945
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		987.061.477.061	341.438.672.648
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.909.438.612	6.026.805.250
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		2.475.438.612	3.584.805.250
216	3. Phải thu dài hạn khác		2.434.000.000	2.442.000.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		421.689.365.912	261.629.456.593
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	410.530.671.726	249.671.759.110
222	- Nguyên giá		566.804.296.838	363.249.543.798
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(156.273.625.112)	(113.577.784.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	11.158.694.186	11.957.697.483
228	- Nguyên giá		18.684.646.113	17.938.696.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.525.951.927)	(5.980.998.686)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	469.195.962.094	-
231	- Nguyên giá		469.195.962.094	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.250.000.000	32.608.214.583
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.250.000.000	32.608.214.583
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		90.016.710.443	41.174.196.222
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	15.733.969.698	11.250.684.318
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.080.983.534	51.410.241
269	3. Lợi thế thương mại	V.10	71.201.757.211	29.872.101.663
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.578.247.818.202	1.277.216.734.272

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.609.281.031.486	567.211.061.499
310	I. Nợ ngắn hạn		1.424.803.077.292	563.205.914.703
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		76.922.369.022	25.953.767.118
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	120.493.710.263	287.325.617.802
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	31.008.469.599	26.939.982.981
314	4. Phải trả người lao động		26.343.982.993	20.608.507.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		7.399.622.246	2.310.862.482
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.331.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		9.372.472.043	4.371.938.512
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	1.151.574.964.382	195.695.238.658
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		356.486.744	-
330	II. Nợ dài hạn		184.477.954.194	4.005.146.796
337	1. Phải trả dài hạn khác		926.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	V.14	179.926.111.113	-
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.625.843.081	4.005.146.796
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		968.966.786.716	710.005.672.773
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	968.966.786.716	710.005.672.773
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		569.434.340.000	495.169.820.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		569.434.340.000	495.169.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		524.927.236	524.927.236
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		352.446.863.935	212.089.478.725
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		113.066.467.725	52.017.425.713
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		239.380.396.210	160.072.053.012
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		46.560.655.545	2.221.446.812
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.578.247.818.202	1.277.216.734.272

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

2000
NG T
PH
V
G XA
- T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2022				Quý 4 năm 2021				Năm nay		Năm trước		
			3	4	5	6	7	6	7	6	7	6	7		
1	2														
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1		1.597.772.346.119	2.156.092.408.779	6.775.200.253.095	5.551.485.307.629								
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	-	-	-								
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2		1.597.772.346.119	2.156.092.408.779	6.775.200.253.095	5.551.485.307.629								
11	4. Giá vốn hàng bán			1.481.009.652.583	1.953.567.246.789	6.302.169.031.079	5.194.758.974.157								
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			116.762.693.536	202.525.161.990	473.031.222.016	356.726.333.472								
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính			3.726.576.432	224.968.918	23.910.906.326	507.767.524								
22	7. Chi phí tài chính	VI.3		18.488.869.371	4.605.459.817	29.304.223.975	17.576.963.937								
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			18.447.030.172	4.605.459.817	29.176.530.443	17.567.151.863								
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-	-	-	-								
25	9. Chi phí bán hàng	VI.4		40.451.760.766	38.095.258.621	143.681.567.442	118.699.606.021								
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5		15.928.799.066	13.555.211.029	64.271.875.379	47.764.854.613								
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			45.619.840.765	146.494.201.441	259.684.461.546	173.192.676.425								
31	12. Thu nhập khác			13.119.542.654	11.304.509.781	40.449.220.155	29.142.059.620								
32	13. Chi phí khác			15.581.233	165.324.529	34.605.632	381.446.456								
40	14. Lợi nhuận khác			13.103.961.421	11.139.185.252	40.414.614.523	28.760.613.164								
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			58.723.802.186	157.633.386.693	300.099.076.069	201.953.289.589								
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12		14.200.322.454	31.712.909.371	63.775.213.150	41.651.085.724								
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(2.727.945.152)	375.785.446	(3.408.877.008)	454.493.638								
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			47.251.424.884	125.544.691.876	239.732.739.927	159.847.710.227								
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			47.063.607.471	125.814.420.745	239.380.396.210	160.072.053.012								
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			187.817.413	(269.728.869)	352.343.717	(224.342.785)								
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6		826	2.623	4.204	3.337								
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7		654	2.623	3.327	3.337								

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

M.S.D.N. 0302000000 Ủy tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		300.099.076.069	201.953.289.589
	2. Điều chỉnh cho các khoản		18.199.781.480	37.499.927.091
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		37.187.749.115	39.190.756.153
03	- Các khoản dự phòng		1.365.000.000	1.675.465.080
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(49.645.609.191)	(20.933.446.005)
06	- Chi phí lãi vay	VI.3	29.292.641.556	17.567.151.863
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		318.298.857.549	239.453.216.680
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(49.700.985.373)	3.534.860.006
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(762.333.287.335)	(18.629.584.856)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(43.620.266.018)	155.854.615.982
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.806.726.285)	(754.904.945)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22.310.942.482)	(17.567.151.863)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(60.997.048.622)	(25.987.858.980)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(633.470.398.566)	335.903.192.024
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(705.244.367.300)	(396.720.654.018)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		309.195.994.143	353.895.896.198
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.845.629.657	507.767.524
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(373.202.743.500)	(42.316.990.290)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	16.789.595.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.889.116.617.027	4.225.213.951.340
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(3.784.750.539.303)	(4.529.494.588.273)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.758.491.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.079.607.586.724	(287.491.041.933)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		72.934.444.658	6.095.159.795
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	87.553.230.700	81.458.070.905
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	160.487.675.358	87.553.230.700

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 1 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 04 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh Thương mại, Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

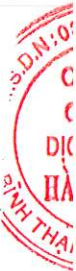
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 04 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04 công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%
03	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh	0,00%	62,11%	0,00%	62,11%	0,00%	62,11%
04	Công ty CP Ô Tô An Thái (*)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%	0,00%	52,35%	0,00%	32,51%

(*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31/12/2022 Tập đoàn có 915 nhân viên, tại ngày đầu năm có 718 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành bởi Công ty mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty, được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do

0200
ÔNG
Ô PH
H V
NG X.
H-T.S

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	28.983.183.118	5.116.858.289
- Tiền gửi ngân hàng	131.504.492.240	82.436.372.411
Cộng	160.487.675.358	87.553.230.700

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>127.340.024.887</i>	<i>89.456.546.159</i>
Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt	3.097.276.651	2.012.349.754
Công ty Bảo Hiểm BSH Thủ Đô	1.388.232.295	1.323.687.684
Công Ty TNHH Bảo Hiểm Liberty	2.975.899.770	1.786.366.010
Văn phòng đại diện giám định bồi thường PTI	3.457.909.518	1.786.366.010
Các khách hàng khác	116.420.706.653	82.547.776.701
Cộng	127.340.024.887	89.456.546.159

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền thưởng, hỗ trợ phải thu từ Mercedes-Benz Việt Nam.

4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu thương mại</i>				
- Các đối tượng khác	1.061.594.270	-	1.061.594.270	-
Cộng	1.061.594.270	-	1.061.594.270	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	97.746.548.226	(5.452.411.582)	86.673.083.328	(4.087.411.582)
- Công cụ, dụng cụ	168.174.140	-	227.732.270	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.270.591.090	-	8.481.150.693	-
- Hàng hóa	964.072.612.196	-	489.878.884.322	-
Cộng	1.070.257.925.652	(5.452.411.582)	585.260.850.613	(4.087.411.582)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	265.693.841	-
- Công cụ, dụng cụ	724.986.809	1.187.381.534
- Phí bảo hiểm	527.735.773	410.464.625
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.157.197.005	2.854.514.070
Cộng	14.675.613.429	4.452.360.229

6b. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	5.816.206.985	7.568.321.609
- Công cụ, dụng cụ	7.721.592.881	2.340.394.096
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.196.169.832	1.341.968.613
Cộng	15.733.969.698	11.250.684.318

200012
 NG TY
 PHÂN
 VỤ Ô TÔ
 HÀNG XANH
 1-T.P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	94.870.184.703	32.591.447.850	228.031.522.806	5.178.147.767	2.578.240.672	363.249.543.798
Tăng trong năm	97.102.509.928	19.204.309.556	386.704.234.807	1.983.405.528	239.408.727	505.233.868.546
Giảm trong năm	-	(2.546.217.310)	(299.132.898.196)	-	-	(301.679.115.506)
Số cuối năm	191.972.694.631	49.249.540.096	315.602.859.417	7.161.553.295	2.817.649.399	566.804.296.838
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	68.224.600.423	25.851.458.617	12.950.391.760	4.369.286.712	2.182.047.176	113.577.784.688
Khấu hao trong năm	25.514.375.827	10.552.997.276	21.334.241.009	621.221.172	410.386.398	58.433.221.682
Giảm trong năm	-	(1.525.851.492)	(14.211.529.766)	-	-	(15.737.381.258)
Số cuối năm	93.738.976.250	34.878.604.401	20.073.103.003	4.990.507.884	2.592.433.574	156.273.625.112
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	26.645.584.280	6.739.989.233	215.081.131.046	808.861.055	396.193.496	249.671.759.110
Số cuối năm	98.233.718.381	14.370.935.695	295.529.756.414	2.171.045.411	225.215.825	410.530.671.726

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.292.279.369	17.938.696.169
Tăng trong năm	-	-	745.949.944	745.949.944
Số cuối năm	8.848.836.800	2.797.580.000	7.038.229.313	18.684.646.113
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	792.647.649	5.188.351.037	5.980.998.686
Khấu hao trong năm	-	55.951.596	1.489.001.645	1.544.953.241
Số cuối năm	-	848.599.245	6.677.352.682	7.525.951.927
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.004.932.351	1.103.928.332	11.957.697.483
Số cuối năm	8.848.836.800	1.948.980.755	360.876.631	11.158.694.186

9. Bất động sản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản đầu tư (*)	469.195.962.094	-
Cộng	469.195.962.094	-

(*) Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/NQ-HĐQT-HAX ngày 11/08/2022 thông qua việc đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Đường Võ Văn Kiệt, Khu Phố 3, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh để phát triển Dự án Khu phức hợp kinh doanh xe ô tô kết hợp văn phòng, căn hộ cao cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	29.872.101.663	-	(6.288.863.508)	23.583.238.155
- Công ty CP Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	-	47.618.519.056	-	47.618.519.056
Cộng	29.872.101.663	47.618.519.056	(6.288.863.508)	71.201.757.211

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	68.139.454	-	41.295.409	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.373.537.915	337.127.573	26.410.065.241	4.465.499
- Thuế thu nhập cá nhân	566.792.230	118.253.743	488.622.331	-
- Thuế nhà đất, thuê đất	-	60.400.954	-	144.053.446
Cộng	31.008.469.599	515.782.270	26.939.982.981	148.518.945

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	300.099.076.069
Các khoản điều chỉnh	20.987.810.794
Thu nhập chịu thuế	321.086.886.863
Lỗi các năm trước được chuyển sang	(2.210.821.113)
Thu nhập tính thuế	318.876.065.750
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	63.775.213.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	63.775.213.150

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức	1.151.574.964.382	1.151.574.964.382	195.695.238.658	195.695.238.658
Cộng	1.151.574.964.382	1.151.574.964.382	195.695.238.658	195.695.238.658

14. Trái phiếu chuyển đổi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại của trái phiếu chuyển đổi		
Giá trị trái phiếu phát hành bằng mệnh giá	180.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(190.000.000)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	116.111.113	-
Cộng	179.926.111.113	-

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	123.634.010.000	21,71	109.486.840.000	22,11
- Bà Vũ Thị Hạnh	64.127.720.000	11,26	68.365.240.000	13,81
- Các cổ đông khác	381.672.610.000	67,03	317.317.740.000	64,08
Cộng	569.434.340.000	100,00	495.169.820.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	569.434.340.000	569.434.340.000	-
Cộng	569.434.340.000	569.434.340.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	495.169.820.000	367.443.990.000
+ Vốn góp tăng trong năm	74.264.520.000	127.725.830.000
+ Vốn góp cuối năm	569.434.340.000	495.169.820.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng tiền	24.758.491.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích cho cổ đông bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá)	74.264.520.000	110.225.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích cho Ban điều hành bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá)	-	3.500.000.000

15d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	56.943.434	49.516.982
- Cổ phiếu phổ thông	56.943.434	49.516.982
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.943.434	49.516.982
- Cổ phiếu phổ thông	56.943.434	49.516.982
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu kinh doanh xe	6.255.453.189.845	5.225.268.819.598
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	506.203.315.128	317.407.188.900
- Doanh thu hoạt động khác	13.543.748.122	8.809.299.131
Cộng	<u>6.775.200.253.095</u>	<u>5.551.485.307.629</u>

2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn của hoạt động kinh doanh xe và hoạt động sửa chữa xe.

3. Chi phí tài chính

Chủ yếu là lãi vay trái phiếu và lãi vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	53.291.761.550	46.218.829.629
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.282.817.872	19.891.706.180
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và bằng tiền khác	73.106.988.020	52.589.070.212
Cộng	<u>143.681.567.442</u>	<u>118.699.606.021</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	31.307.319.486	26.669.762.211
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.630.051.978	3.266.848.585
- Chi phí lợi thế thương mại	6.288.863.508	6.288.863.508
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	23.045.640.407	11.539.380.309
Cộng	<u>64.271.875.379</u>	<u>47.764.854.613</u>

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	239.732.739.927	159.847.710.227
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	352.343.717	(224.342.785)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	239.380.396.210	160.072.053.012
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	56.943.434	47.965.653
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>4.204</u>	<u>3.337</u>

7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	239.732.739.927	159.847.710.227
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	352.343.717	(224.342.785)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	239.380.396.210	160.072.053.012
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	56.943.434	47.965.653
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày 31/12/2022 (CP)	15.000.000	-
<i>Trong đó số lượng CP dự kiến được phát hành thêm từ việc chuyển đổi trái phiếu</i>	<i>15.000.000</i>	<i>-</i>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>3.327</u>	<u>3.337</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ 02/04/2021	-	450.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ 02/04/2021	1.350.000.000	1.125.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	945.000.000	882.000.000
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ 01/06/2021	945.000.000	434.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	675.000.000	630.000.000
Cộng		3.915.000.000	3.521.000.000

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	315.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	180.000.000	225.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Cộng		1.080.000.000	1.080.000.000

Thu nhập từ cổ tức

	Năm nay
- Cổ tức bằng tiền	8.078.452.775
- Cổ tức bằng cổ phiếu (số lượng)	2.551.088



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐỖ TIÊN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021						
Tại ngày 01/01/2021	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	165.874.019.186	4.248.094.499	535.301.435.921
Tăng trong năm	127.725.830.000	554.927.236	2.234.667.764	160.072.676.423	(224.342.785)	290.363.758.638
- Lãi trong năm	-	-	-	160.072.053.012	(224.342.785)	159.847.710.227
- Thu tiền tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	554.927.236	2.234.667.764	-	-	2.789.595.000
- Bổ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	110.225.830.000	-	-	-	-	110.225.830.000
- Bổ sung từ thưởng ban điều hành bằng cổ phiếu	3.500.000.000	-	-	-	-	3.500.000.000
- Bổ sung từ thu tiền phát hành thêm cho người lao động	14.000.000.000	-	-	-	-	14.000.000.000
- Chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm	-	-	-	623.411	-	623.411
Giảm trong năm	-	-	-	(113.857.216.884)	(1.802.304.902)	(115.659.521.786)
- Chia cổ tức (bằng cổ phiếu)	-	-	-	(110.225.830.000)	-	(110.225.830.000)
- Thuong Ban điều hành bằng cổ phiếu	-	-	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CDKKS phát sinh trong năm	-	-	-	(131.386.884)	(1.802.304.902)	(1.933.691.786)
Tại ngày 31/12/2021	495.169.820.000	524.927.236	-	212.089.478.725	2.221.446.812	710.005.672.773
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022						
Tại ngày 01/01/2022	495.169.820.000	524.927.236	-	212.089.478.725	2.221.446.812	710.005.672.773
Tăng trong năm	74.264.520.000	-	-	239.380.396.210	50.453.482.728	364.098.398.938
- Lãi trong năm	-	-	-	239.380.396.210	352.343.717	239.732.739.927
- Bổ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	74.264.520.000	-	-	-	-	74.264.520.000
- Hợp cộng tài sản thuần của công ty con thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm đầu tiên	-	-	-	-	50.101.139.011	50.101.139.011
Giảm trong năm	-	-	-	(99.023.011.000)	(6.114.273.995)	(105.137.284.995)
- Chia cổ tức (bằng cổ phiếu)	-	-	-	(74.264.520.000)	-	(74.264.520.000)
- Chia cổ tức (bằng tiền)	-	-	-	(24.758.491.000)	-	(24.758.491.000)
- Phần giá phi đầu tư và Lợi thế thương mại phân bổ cho cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 1	-	-	-	-	(6.114.273.995)	(6.114.273.995)
Tại ngày 31/12/2022	569.434.340.000	524.927.236	-	352.446.863.935	46.560.655.545	968.966.786.716

Người lập biểu


 TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng


 NGUYỄN THỊ THANH HẠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

